ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1360/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch phát triển cây ăn quả chủ lực tỉnh Tây Ninh đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc Phê duyệt Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 385/TTr-SNNMT ngày 09/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển cây ăn quả chủ lực tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển cây ăn quả chủ lực tỉnh Long An đến năm 2025 và 2030.

Điều 4 Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và MT (b/c);
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (b/c);
- TT. TU, TT.HĐND (b/c);
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, SNN, Luân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Phát triển cây ăn quả chủ lực tỉnh Tây Ninh đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 1360 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Thực hiện Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch Phát triển cây ăn quả chủ lực tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nhiệm vụ Phát triển cây ăn quả chủ lực trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030.

2. Yêu cầu

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các Sở ngành, UBND các xã, phường tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp theo Kế hoạch này đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển cây ăn quả phải phù hợp với Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển cây ăn quả trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung, quy mô lớn, gắn với phát triển công nghệ chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Đẩy mạnh liên kết tại vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm cây ăn quả.

- Tăng cường chế biến sâu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển sản xuất, chế biến sản phẩm cây ăn quả.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển bền vững cây ăn quả chủ lực; góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng giá trị xuất khẩu, thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực nông thôn.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Diện tích cây ăn quả tỉnh là 50.000 ha, sản lượng trên 900.000 tấn; trong đó, diện tích cây ăn quả chủ lực 40.000 ha, sản lượng trên 800.000 tấn.

- Tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 60-70%; tỷ lệ diện tích trồng mới, trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 80-90%; tỷ lệ diện tích cây ăn quả áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và tương đương 40-50%; có trên 95% diện tích được cấp mã số vùng trồng; diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 30-40%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Định hướng phát triển đến năm 2030

1.1. Cây thanh long

- Ổn định diện tích thanh long khoảng 6.500 ha, sản lượng 180.000 tấn. Các vùng sản xuất thanh long tập trung gồm: Thuận Mỹ, An Lục Long, Tầm Vu, Vĩnh Công…

- Xây dựng cơ cấu giống thanh long ruột trắng, ruột đỏ phù hợp nhu cầu thị trường. Bố trí diện tích thanh long rải vụ thu hoạch khoảng 60% diện tích, thanh long chính vụ 40% diện tích.

- Áp dụng đồng bộ các quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn, ứng dụng kỹ thuật trồng thanh long theo kiểu giàn chữ T (T-Bar), tưới nước tiết kiệm, sử dụng đèn chuyên dụng điều khiển ra hoa; đốn tỉa và xử lý cành đốn trên cây thanh long, áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp, nâng cao chất lượng trái thanh long đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

- Từng bước hình thành các vùng sản xuất thanh long theo thị trường xuất khẩu có chứng nhận hoặc cấp mã số vùng trồng. Tổ chức liên kết giữa vùng sản xuất tập trung với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thanh long.

- Quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý Thanh long Châu Thành - Long An.

1.2. Cây chanh

- Ổn định diện tích khoảng 12.000 ha, sản lượng 210.000 tấn. Các vùng sản xuất chanh tập trung là: Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hòa, Đức Huệ, Mỹ Thạnh, Thủ Thừa, Bình Thành…

- Bình tuyển, phục tráng các giống chanh bản địa, đặc sản địa phương có chất lượng, chống chịu sâu bệnh hại; đồng thời chọn tạo, phát triển giống mới,

có chất lượng, phù hợp thị trường. Xây dựng vườn giống đầu dòng sạch bệnh, nhân giống sạch bệnh phục vụ sản xuất. Bố trí cơ cấu chính vụ 55% và rải vụ thu hoạch 45%.

- Đẩy mạnh sản xuất an toàn, ứng dụng kỹ thuật tỉa cành tạo tán, tưới nước tiết kiệm, kỹ thuật xử lý ra hoa, đậu quả, phòng trừ sâu bệnh hại trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng khâu bảo quản sau thu hoạch.

- Quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý Chanh không hạt Bến Lức - Long An.

1.3. Cây mãng cầu

- Ổn định diện tích khoảng 6.000 ha, sản lượng 92.000 tấn. Các vùng sản xuất trọng điểm: Tân Phú, Dương Minh Châu, Bình Minh, Ninh Thạnh…

- Đẩy mạnh bình tuyển, phục tráng các giống mãng cầu đặc sản địa phương, chọn tạo, nhập nội các giống mới chất lượng, rải vụ thu hoạch thuận lợi cho tiêu thụ.

- Xây dựng hệ thống vườn đầu dòng, nhân giống mãng cầu phục vụ sản xuất.

- Áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật đốn tỉa, xử lý ra hoa rải vụ thu hoạch, cơ giới hóa, bón phân, tưới nước tiết kiệm và phòng trừ sâu bệnh... Cơ cấu tỷ lệ diện tích thu hoạch chính vụ 70%, rải vụ thu hoạch 30%.

- Quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý Mãng cầu Bà Đen.

1.4. Cây mít

- Ổn định diện tích khoảng 5.000 ha, sản lượng 100.000 tấn. Các vùng sản xuất mít tập trung gồm: Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Bình Hòa, Bình Thành, Tân Đông, Hưng Thuận…

- Đẩy mạnh bình tuyển, chọn tạo, mở rộng các giống mới chất lượng, thuận lợi cho tiêu thụ và chế biến. Xây dựng hệ thống vườn đầu dòng, đảm bảo cung cấp giống có chất lượng phục vụ sản xuất, chọn giống tốt, tiếp thu kỹ thuật sản xuất cây giống để chủ động nguồn giống tại chỗ; thiết lập hệ thống canh tác hữu hiệu, kết hợp các loại phân bón, trong đó chú trọng phân hữu cơ; tăng cường áp dụng các biện pháp sinh học.

- Rải vụ thu hoạch mít theo tỷ lệ diện tích chính vụ 60%, rải vụ 40%.

1.5. Cây sầu riêng

- Định hướng phát triển khoảng 5.000 ha, sản lượng 66.000 tấn, tập trung gồm: Truông Mít, Lộc Ninh, Hưng Thuận, Cầu Khởi, Nhơn Hòa Lập, Bình Thành...

- Nghiên cứu chọn lọc các giống sầu riêng theo hướng chất lượng cao phù hợp thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật thâm canh: tưới nước tiết kiệm, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật xử lý ra hoa trong sản xuất trái vụ... Tỷ lệ diện tích sầu riêng chính vụ 50%, rải vụ 50%.

- Tổ chức liên kết sản xuất, xây dựng mã số vùng trồng cho sầu riêng.

1.6. Cây chuối

- Định hướng phát triển khoảng 3.000 ha, sản lượng khoảng 125.000 tấn, trong đó chuối xuất khẩu khoảng 300 - 400 ha, các vùng sản xuất chuối tập trung gồm: Đông Thành, Hưng Thuận, Tân Đông, Tân Hội, Tân Thành, Ninh Điền, Bình Minh, Long Hoa…

- Ưu tiên sử dụng các giống có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh, các giống phục vụ xuất khẩu.

- Liên kết sản xuất, áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hữu cơ, an toàn trong sản xuất; chú trọng kỹ thuật bao buồng, chống đổ; đẩy mạnh cơ giới hóa tại các vùng sản xuất chuối tập trung, đặc biệt là khâu thu hoạch, vận chuyển, bảo quản.

1.7. Cây khóm

- Ổn định diện tích khoảng 1.300 ha, sản lượng 36.000 tấn, tập trung ở các xã: Thủ Thừa, Tân Long, Thạnh Lợi, Tân Tây, Thạnh Hóa…

- Rải vụ thu hoạch để phục vụ nhu cầu quanh năm, đáp ứng cho các nhà máy chế biến và nhu cầu sử dụng quả tươi, thời điểm trái vụ từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Bố trí tỷ lệ diện tích trái vụ chiếm từ 30 - 40% diện tích.

- Xây dựng hệ thống vườn giống gốc sạch bệnh phục vụ nhân giống, ứng dụng kỹ thuật sản xuất giống sạch bệnh phục vụ sản xuất.

- Áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật thâm canh: tưới nước tiết kiệm, che tủ đất, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật xử lý ra hoa trong sản xuất.

1.8. Đối với cây ăn quả khác:

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương để định hướng phát triển các loại cây có thế mạnh, có thị trường tiêu thụ ổn định nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong sản xuất. Việc thực hiện phải được tổ chức theo hình thức liên kết sản xuất gắn với sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và phát triển bền vững.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Về thông tin, tuyên truyền

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp quán triệt đến cán bộ, đảng viên, hội viên về định hướng, mục tiêu, các giải pháp phát triển cây ăn quả; phân tích rõ và xác định đây là nhiệm vụ trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, đổi mới phương thức sản xuất; lợi ích về giá trị kinh tế, giá trị môi trường cả trước mắt và lâu dài. Giải quyết tốt tâm lý hoài nghi, bảo thủ sản xuất theo tính tự phát của một bộ phận nông dân dẫn đến tình trạng manh mún, nhỏ lẻ.

- Hướng dẫn các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn trong sản xuất. Phổ biến, hướng dẫn các quy định các cơ chế, chính sách khuyến khích của Trung ương, của tỉnh, giới thiệu thông tin thị trường để người dân và doanh nghiệp hưởng ứng, thực hiện.

2.2. Về tổ chức sản xuất và quản trị vùng nguyên liệu

- Căn cứ Kế hoạch Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2030 của tỉnh và các Chương trình kế hoạch khác liên quan, địa phương cần xác định quy mô vùng sản xuất cây ăn quả tập trung theo quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan khác, gắn phát triển vùng trồng cây ăn quả với các cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm cây ăn quả; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng các loại cây ăn quả chủ lực; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất cây ăn quả từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã.

- Đối với hộ gia đình cần chủ động liên kết với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã để hình thành vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, gắn với xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả. Đồng thời, tích cực tham gia các khóa đào tạo nghề làm vườn, tăng cường kỹ năng sản xuất, kiến thức thị trường về cây ăn quả....

- Xây dựng và quản lý thông tin, dữ liệu vùng nguyên liệu: Xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý vùng trồng giúp chứng minh cho sự quản lý chặt chẽ từ khâu tổ chức sản xuất, chứng nhận an toàn thực phẩm, đến khâu thu hoạch, sơ chế và đóng gói sản phẩm… đáp ứng yêu cầu các thị trường xuất khẩu; Xây dựng và quản trị mã số vùng trồng cây ăn quả phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

2.3. Về khoa học công nghệ

- Tiếp tục đầu tư kinh phí phục vụ chọn, tạo, nhập mới giống cây ăn quả năng suất, chất lượng cao, rải vụ thu hoạch, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

- Bố trí kinh phí nghiên cứu khoa học nhân giống cây ăn quả sạch bệnh; kỹ thuật rải vụ thu hoạch; quy trình canh tác tiên tiến; công nghệ xử lý, bảo quản, chế biến sau thu hoạch phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

- Nghiên cứu dự báo thị trường; nghiên cứu các giải pháp cơ giới hóa, các khâu chăm sóc và thu hái quả; nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo các dây chuyền thiết bị bảo quản, chế biến phục vụ xuất khẩu.

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ (nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể,...), truy xuất nguồn gốc, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cho các sản phẩm trái cây được sản xuất và chế biến trên địa bàn tỉnh.

2.4. Về đầu tư

- Các hộ gia đình đầu tư phát triển vùng trồng cây ăn quả chủ lực để hình

thành theo vùng nguyên liệu tập trung. Hợp tác xã, liên kết với các hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư nhà sơ chế, kho chứa sản phẩm. Doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả.

- Ngân sách Nhà nước đầu tư các công trình thủy lợi tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, các công trình giao thông kết nối vùng sản xuất tập trung với các trục giao thông chính và các công trình hạ tầng thiết yếu khác phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ về giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây ăn quả; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả chủ lực của vùng... ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu.

2.5. Thị trường tiêu thụ

- Đối với thị trường nội địa, xây dựng hình ảnh sản phẩm cây ăn quả đặc sản và sản phẩm đặc hữu của từng địa phương. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu sản phẩm cây ăn quả, gắn với chỉ dẫn địa lý; hình thành sàn giao dịch sản phẩm cây ăn quả; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm cây ăn quả.

- Đối với thị trường xuất khẩu, các địa phương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên ngành và doanh nghiệp thực hiện các biện pháp mở rộng thị trường xuất khẩu; trọng tâm là sản xuất các sản phẩm theo nhu cầu thị trường các nước nhập khẩu và tháo gỡ rào cản thương mại. Tập trung thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc. Đồng thời, tiếp tục mở rộng các thị trường: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Canada, Hàn Quốc, Nga, ASEAN, EU, Trung Đông,...

2.6. Chính sách; phát triển liên kết theo chuỗi giá trị

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: Chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; chính sách hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông lâm thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)….

- Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thị trường; sản xuất gắn với tiêu thụ thông qua hình thức liên kết hợp tác. Khi tham gia vào chuỗi liên kết, người nông dân được tiêu thụ sản phẩm với giá cả ổn định, an toàn, ít rủi ro.

- Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mà các bên đối tác đều được hưởng lợi, trực tiếp là nông dân. Thông qua đó, tạo kết nối chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ nông sản bền vững,

ứng dụng rộng rãi các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tạo sản phẩm hàng hóa chất lượng cung ứng thị trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, dự án, kế hoạch hàng năm của đơn vị, địa phương,…

2. Các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì thực hiện các nội dung trong kế hoạch, phối hợp với các đơn vị triển khai kế hoạch lồng ghép vào các chương trình, dự án của tỉnh.

2. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm cây ăn quả.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo đặt hàng, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các cây ăn quả chủ lực của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các mô hình sản xuất đạt hiệu quả, an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và truy xuất nguồn gốc.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách.

5. UBND các xã, phường

- Rà soát diện tích cây ăn quả trên địa bàn, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất theo vùng tập trung; gắn với đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở đóng gói, sơ chế, chế biến.

- Tuyên truyền, vận động người dân thành lập các HTX; Phối hợp với các tổ chức đoàn thể (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ…) vận động thành viên hội viên tham gia vào các Tổ hợp tác, HTX.

- Bố trí kinh phí địa phương hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm vùng nguyên liệu cho HTX khi có nhu cầu.

- Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, bố trí vốn được phân cấp hàng năm theo quy định để thực hiện kế hoạch đối với các nội dung công việc cấp xã; tiến hành khảo sát, lập dự án, thiết kế, thi công xây dựng theo kế hoạch.

- Vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, phát triển sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn GAP. Hỗ trợ củng cố và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn để tiêu thụ nông sản cho người dân.

- Đẩy mạnh tìm kiếm các doanh nghiệp tiêu thụ liên kết sản xuất với các HTX vùng sản xuất cây ăn quả của địa phương; Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ cây ăn quả trong và ngoài tỉnh, thị trường xuất khẩu nông sản.

- Thực hiện tốt việc cấp, quản lý mã số vùng trồng cây ăn quả, nhất là các vùng trồng cây ăn quả tập trung, quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý trên cây trồng.

- Hàng năm, báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 15/12.**

6. Các HTX, cơ sở sản xuất, đóng gói cây ăn quả

- Tổ chức sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu tập trung, ổn định lâu dài, liên kết các cơ sở thu mua, đóng gói các loại cây ăn quả; các HTX, cơ sở đủ điều kiện xây dựng hồ sơ để được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo quy định.

- Các vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số cần theo dõi, giám sát việc sử dụng để đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; duy trì các điều kiện, thực hiện giám sát định kỳ theo đúng quy định.

- Chủ động xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cụ thể, trong đó tập trung nghiên cứu, tìm hiểu kỹ để đưa các loại cây trồng phù hợp vào sản xuất, chủ động tìm kiếm thị trường và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, xây dựng chuỗi giá trị để nâng cao giá trị nông sản, thực hiện đồng bộ mối quan hệ liên kết "4 nhà" nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân: Người sản xuất phải nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, tăng lợi nhuận thông qua việc áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật; Người sản xuất cần tuân thủ các khâu từ sản xuất ban đầu đến thu gom chế biến và phân phối tiêu thụ đều được kiểm soát theo hợp đồng, theo quy trình kỹ thuật nhằm tạo sản phẩm an toàn cho sức khỏe người dùng, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan chủ động tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường khi có yêu cầu. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện./